

41		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao 1.002396	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Thể dục, thể thao; 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	- Thăm lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thăm định bộ: 500.000 đồng/chứng nhận. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cải thiện thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm	với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
----	--	--	---	--	--	---

					quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
42	1.003441 Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; (3) Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện khi thay đổi một trong các nội dung giấy chứng nhận sau đây: + Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; + Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; + Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh; + Số, ngày, tháng, năm cấp; cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện. Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH1 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm

43			Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày.	Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày.	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung của Luật của Luật Thể dục, thể thao; (2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; (3) Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hợp bị mất hoặc hỏng
		Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chung nhận. Thẩm định bộ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chung nhận.	- Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật của Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.	Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chung nhận. Thẩm định bộ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chung nhận. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật của Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành				

					Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.
44	1.001782 Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài trợ chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức; (2) Điều lệ giải thể thao; (3) Chương trình thi đấu; 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định cho phép tổ chức giải. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 9,5 ngày.	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ủy quyền quyết định tổ chức Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
45	1.000953 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn .	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018.

46					
kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;	(2) Ban tổm tất tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp.	2. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày.	
thể thao đối với môn Yoga	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao và Du lịch.	Bước 2. Xứ lý hồ sơ Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố quyết định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện, Trung tâm Hành chính công để trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ	- định lần Thăm	- Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.
Thủ tục cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).				

nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày.	1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.
---	---	---	--	--

47	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	1.000920	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật thể thao; đối, bộ sung một của Luật thể dục, (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể dục, môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
			1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tiếp qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.
			1. Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông, có hiệu lực từ ngày 20/02/2018. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành

					Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
48	1.001195 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp.	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập

49	1.000904 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ	Luật Sửa đổi, bổ sung một số 77/2006/QH11 năm 2006 và - Luật Thể dục, thể thao số 1.000.000 - Thăm định lần đầu:
	đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bản, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bản, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo, có hiệu lực từ ngày 20/02/2018. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số

điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.
---	--	---	--	---

50			1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Bơi, Lặn (2) Bản tóm tắt tình hình chuần bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Thể dục, thể thao; 1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	- Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phi và Lê phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm
----	--	--	--	---

		nghiệp; bản sao văn bản, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
51	1.000863 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019

Billiards & Snooker	số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Ban tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	lãi: 500.000 đồng/chứng nhận.
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billiards & Snooker. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thu tục hành chính cải thiện thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm	

					quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
52	1.000847 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

53	1.000830	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể thao và thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	- Luật Thể thao, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể thao, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể thao, thể thao. - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018	- Luật Thể thao, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể thao, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể thao, thể thao. - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018
----	----------	---	---	---	--	--

	36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Điều bay, có hiệu lực từ ngày 15/4/2018. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
--	---	--	--



					dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
55	1.000644 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể thao	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp.	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân

56				1.000842 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện 1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP 1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. - Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018.
				2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP 1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. - Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018.

kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	- Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	- Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của
---	--	--	---	--

					57
			1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình huấn luyện bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Thể dục, thể thao; Thẻ dục thể hình và Fitness		
			1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tiếp qua địa chỉ: https://dichvucong.daknonng.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày;		
			- Tham định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Tham định hồ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận. - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy		
					UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

		chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
58	2.002188 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết

		(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.		một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lặn Sơ Rộng. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở,
--	--	--	---	--	--

					Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
59	1.000594 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ đạo thể thao giải trí. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

60	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tiếp qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định hồ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận. - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018
				- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

		36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
61	1.000544	1. Thành phần hồ sơ:	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ	- Thẩm định lần đầu:	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và

Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
1.000.000 đồng/chứng nhận.	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp	

					quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
62	1.000518 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ:	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá.

63	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động	1.000501	(có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bản, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn.	- Thăm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thăm định bổ sung, cấp	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015.
			- Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.			- Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cải thiện thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.	

thể thao đối với môn Quần vợt	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày.	lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt
--------------------------------------	---	--	--------------------------------------	---

64			1.000485 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin 1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao chứng chỉ, giấy chứng nhận nghiệp; bản sao văn bản, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao Giấy (có kèm theo bản sao Giấy của Luật Thể dục, thể thao đối, bổ sung một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày;
			1. Trình tự thực hiện: Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5,5 ngày;
			1.000.000 lần đầu: - Thăm định hồ sơ: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thăm định hồ sơ: 500.000 đồng/chứng nhận. - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối
			giám thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

		2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
65	1.001801 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ thể thao	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa,	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

68			theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Thể dục, thể thao;	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định hồ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận. - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết	- Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.
----	--	--	---	--	--	--	---

		(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày.		một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.
67	1.005162 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn.	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015.

68		1.001517	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu
	thể thao đối với môn Wushu	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; môn Wushu	thể thao; môn Wushu	thể thao đối với môn Wushu

điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày.	đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận	điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.
---	--	---	---	--

69	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật thể thao đối, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày.	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Tham định -Tham định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận. - Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử
----	---	---	---	--

					dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.
70	1.001056 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn . Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định điều kiện, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho doanh nghiệp. 2. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày.	- Thẩm định lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng nhận. - Thẩm định bổ sung, cấp lại: 500.000 đồng/chứng nhận	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao. - Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

C	DU LỊCH				
C1.	Lữ hành				
71	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh hành nội địa (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); (2) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (3) Giấy chứng nhận ký kinh doanh dịch vụ lữ hành; (4) Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành;	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); (2) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (3) Giấy chứng nhận ký kinh doanh dịch vụ lữ hành; (4) Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành;	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: www.https://dichvucong.daknonng.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 9,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 9,5 ngày.	3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành. Có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023*.
					- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

		(5) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lễ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lễ hành; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ		- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa; phí thẩm định cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.
--	--	---	--	--

72					
2.001616	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 4,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày.		
					1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức kỳ quy kinh doanh dịch vụ lữ hành. Có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023*. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).
					- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức kỳ quy kinh doanh dịch vụ lữ hành. Có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023*. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

					định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.
73	2.001622 Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 4,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm	2.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

	(2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ từ hành nội địa của doanh nghiệp; (3) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ từ hành nội địa cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày.
Tài chính). Bộ Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức kỳ quỹ kinh doanh dịch vụ từ hành. Có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023*. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí tham dự cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ từ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ từ hành nội địa; phi thăm đĩnh cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chỉ nhân, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại	- Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức kỳ quỹ kinh doanh dịch vụ từ hành. Có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023*. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí tham dự cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ từ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ từ hành nội địa; phi thăm đĩnh cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chỉ nhân, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại

					Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.
74	2.001611 Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	1. Thành phần hồ sơ: (1) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Quyết định thu hồi giấy phép được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên Trang Thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành. Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trên Trang thông	Không.	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. - Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi

		doanh nghiệp giải thể theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp; Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	từ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành. Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trên Trang thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ; trường hợp có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan giải quyết theo quy định của pháp luật. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày.		bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch*.
76	1.003742 Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	1. Thành phần hồ sơ: (1) Quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản; (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp; 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

		nội địa. Quyết định thu hồi giấy phép được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành; - Tiền ký quỹ do tòa án quyết định theo quy định của pháp luật về phá sản. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày.			
77	1.001837 Thủ tục chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1. Thành phần hồ sơ: (1) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện (Mẫu TB Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP; (2) Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm công bố trên Trang thông tin điện tử của mình về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày;	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2016. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính

	diện (đối với trường hợp hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch (đối với trường hợp bị thu hồi Giấy phép); (3) Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội; (4) Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động; (5) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Đối với trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành	- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày.	phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2016.
--	--	---	---

78			phổ trực thuộc Trung ương khác, hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện chỉ bao gồm các thành phần hồ sơ số (1) và (5). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019). (2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú; (3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ; (4) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm.	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm 1.001440
		1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Người đề nghị cấp thẻ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc trên trang dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.daknonng.gov.vn Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm. Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra nghiệp vụ du lịch tại điểm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp du lịch tại điểm đối với người đã đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 9,5 ngày.	đồng/thẻ 200.000 (Thông tư 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.	09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.	14 tháng 5 năm 2018. Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

		2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.
79	1.004605 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đăng ký tham dự khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch (Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức các khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế. Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức.	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

80		1.003717 Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) * do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MD-1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) * do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký; (2) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài; (3) Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài; (4) Bản sao bảo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tại chính trong năm tại chính gần nhất hoặc giấy tờ	2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 9,5 ngày.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Trường hợp từ chối cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do. - Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lời bằng văn bản, kể từ ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và	3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2016. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu biểu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2016. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy	định mức thu, chế độ thu, nộp của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
----	--	--	---	---	--	---	--	---

	có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong năm tài chính gần nhất; (5) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện; (6) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm: - Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;	Du lịch cấp hoặc không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 7 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày. (Trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: 13 ngày làm việc).	và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.
--	--	--	--

81			1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn (bộ). 2. Số lượng hồ sơ: 01 - Ban sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 và quy định pháp luật có liên quan. Thành phần hồ sơ (2), (3), (4), (5) (đối với trường hợp bản sao hồ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện là người nước ngoài) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ từ hành nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6
----	--	--	---	--	--------------------------	---

	phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	phòng đại diện (Mẫu MĐ-1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký; (2) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 1 năm 2016 (Mẫu TB Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016); (3) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp; (4) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến, bao gồm: - Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ	Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Trường hợp từ chối cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày.	(Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2016. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2016. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh,
--	---	---	---	--	--

		lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; - Bàn sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 và quy định pháp luật có liên quan. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) * do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp từ chối cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày;	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính).	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2016. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính
82	1.003275 Thu tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện phòng đại					Văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

Văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

	diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy		- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày.		phù quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2016. - Thông tư số 33/2018/TT- BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.
83	1.005161 Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tài chính)* do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký;	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT- BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 07/2016/NĐ- CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2016.

vụ từ hành nước ngoài	(2) Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể:
- Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ từ hành nước ngoài: Ban sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ từ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý điều chỉnh nội dung hồ sơ hợp lệ.	- Trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ từ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý điều chỉnh nội dung hồ sơ hợp lệ.
- Trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ từ hành nước ngoài: Ban sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ từ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý điều chỉnh nội dung hồ sơ hợp lệ.	Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày. (Trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ từ hành nước ngoài của Văn phòng đại

		diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi. - Trường hợp thay địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ ở hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện. (3) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: 13 ngày làm việc).		
84	1.003002 Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MD-4 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016) do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ	1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương

nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký; (2) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài; (3) Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong năm tài chính gần nhất; (4) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp. Thành phần hồ sơ số (2) phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự	Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không gia hạn phải có văn bản nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4,5 ngày.	của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2016. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2016. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.
--	---	--	------------------------------	--

		của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thành phần hồ sơ số (3) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			
85	1.004628 Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp du lịch quốc tế (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019); (2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú; (3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ; (4) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ; Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Người đề nghị nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 14,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp du lịch quốc tế cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 14,5 ngày.	650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh

	hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế; (5) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ ngoại ngữ: Bản sao có chứng thực* một trong các giấy tờ sau : - Bảng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ; - Bảng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài; - Bảng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài; - Chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc B2 trở lên Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu, còn thời hạn hoặc được cấp trong vòng 05 năm đối với chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ Khổng thời			ngiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.
--	---	--	--	---

		hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017. Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*. (6) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			
86	1.004623 Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp du lịch nội địa (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019); (2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú; (3) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ; Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Người đề nghị nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 14,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp du lịch nội địa cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho cá nhân.	650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

87	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp đổi du lịch (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019); (2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú;	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Người đề nghị nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.daknonng.gov.vn Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ	650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017, Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của
		trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa; (4) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ; (5) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 14,5 ngày.		định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; lệ phí thẩm định cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chỉ nhân, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.

		(3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ; (4) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm. (5) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp; (6) du lịch đã được cấp. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 9,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp đổi du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 9,5 ngày.	trưởng Bộ Tài chính).	Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018 - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.
88	1.004614 Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp lại du lịch (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc qua dịch	- 650.000 đồng/du lịch quốc tế hoặc du lịch nội địa (Thông	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

[illegible]

C2.	Dịch vụ du lịch khác				
89	1.004551 Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 19,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 19,5 ngày.	1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của

		90
	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lich	
	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp biên khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	
	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 19,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 19,5 ngày.	
Lượt Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp và quản lý phí tham dự du lịch, nhân hàng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	

					quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.
93	1.001455 Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 19,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 19,5 ngày.	1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12

					trường Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.
93	1.004572 Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); (2) Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 19,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 19,5 ngày.	1.000.000 đồng/hồ sơ (Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-

94			Thủ tục 1.004594 nhận hàng cơ sở lưu trú du lịch (Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); (1) Đơn đề nghị công nhận hàng cơ sở lưu trú du lịch (Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); (2) Bản tự đánh giá chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định trong tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch; (3) Danh sách người quản lý và nhân viên trong biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu du lịch, thuyền lưu trú du lịch
		1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.daknong.gov.vn Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 29,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, định và ra quyết định công nhận hàng cơ sở lưu trú du lịch; trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 29,5 ngày.	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị công nhận hàng cơ sở lưu trú du lịch (Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017); (2) Bản tự đánh giá chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định trong tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch; (3) Danh sách người quản lý và nhân viên trong biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu du lịch, thuyền lưu trú du lịch
	BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính); - 2.000.000 đồng/hồ sơ để nghị công nhận hàng cơ sở lưu trú du lịch và quản lý phi thẩm định công nhận hàng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.	BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.

		2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	
95	1.008027 Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017) (2) Bảng kê thông tin về trang thiết bị của từng phương tiện, chất lượng dịch vụ, nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch đáp ứng điều kiện theo quy định (Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); (3) Bản sao giấy đăng ký phương tiện hoặc giấy hẹn	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện trên hệ thống đăng kiểm Việt Nam; giấy phép kinh doanh vận tải đã cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải; cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình và chỉ cấp biển hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của phương tiện đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Trường hợp phương tiện là xe ô tô thì trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch. Trường hợp phương tiện là thủy nội địa thì trong thời hạn 6,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch.	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

		nhân giấy đăng ký phương tiện của cơ quan có thẩm quyền, bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện vận tải hoặc bản sao hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã; 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Trường hợp từ chối không cấp biển hiệu thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: - Sở Giao thông vận tải: + Trường hợp phương tiện là xe ô tô: 1,5 ngày làm việc + Trường hợp phương tiện là thủy nội địa: 6,5 ngày làm việc - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày.	
96	Thủ tục cấp 1.008028 đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	(1) Đơn đề nghị cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017); (2) Bảng kê thông tin về trang thiết bị của từng phương tiện, chất lượng dịch vụ, nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch đáp ứng điều kiện theo quy định (Bộ trưởng Bộ Giao thông vận	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện trên hệ thống đăng kiểm Việt Nam; giấy phép kinh doanh vận tải đã cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải; cấp nhất thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình và chỉ cấp biển hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của phương tiện đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

		tải quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); (3) Bản sao giấy đăng ký phương tiện hoặc giấy hẹn nhận giấy đăng ký phương tiện của cơ quan có thẩm quyền, bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện vận tải hoặc bản sao hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ	đặt, truyền dẫn dữ liệu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Trường hợp phương tiện là xe ô tô thì trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch. Trường hợp phương tiện là thủy nội địa thì trong thời hạn 6,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối không cấp đổi biển hiệu thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: - Sở Giao thông vận tải: + Trường hợp phương tiện là xe ô tô: 1,5 ngày làm việc + Trường hợp phương tiện là thủy nội địa: 6.5 ngày làm việc - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày.		
97	1.008029 Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải	(1) Đơn đề nghị cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ,	Không.	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

III		khách du lịch	168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017) 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải. Bước 2. Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại biên hiệu, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm xem xét, cấp lại biên hiệu cho phương tiện vận tải. Tương hợp từ chối không cấp lại biên hiệu thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc; - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Giao thông vận tải: 1,5 ngày.	- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.
A1.	Văn hóa cơ sở			THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND CẤP HUYỆN	
1	1.000903	Thủ tục cấp Giấy phép du lịch kinh doanh karaoke đủ điều kiện kinh doanh karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). (2) Bàn sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đổi chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.	1. Thành phần hồ sơ: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện được phân cấp. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện được phân cấp có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tại - thành phố trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 4.000.000 đồng/giấy; + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng;	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. - Nghị định 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn*. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy

		2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện theo phân cấp của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế các điều kiện theo quy định và cấp Giấy phép (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). Trường hợp không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện được phân cấp trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 4,5 ngày.	+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/giấy. - Tại các khu vực khác: + Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 2.000.000 đồng/giấy; + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy.	phép kinh doanh karaoke, vũ trường.
2	1.000831 Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 03 tại Phụ	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ - Trường hợp thay đổi về địa điểm kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định.	- Tại thành phố trực thuộc tỉnh: Đối với trường	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ

đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	lực ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). (2) Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đổi chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trong các trường hợp dưới đây: + Thay đổi về số lượng phòng; + Thay đổi về chủ sở hữu. Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, nơi thu viện đặt trụ sở. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện gửi văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện theo phân cấp, ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế các nội dung thay đổi và cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh karaoke đã được điều chỉnh (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). Trường hợp không cấp Giấy phép điều chỉnh phải lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Phòng Văn hóa và Thông tin trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	hợp các cơ sở đã được cấp phép - Thông tư 01/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke để đăng ký tăng mức thu là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần tham định. - Tài các khu vực khác: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke để đăng ký tăng mức thu là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

			2. Thời gian giải quyết: 4 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 3,5 ngày.	không quá 6.000.000đồng/giấy phép/lần thẩm định.	
3	1.004648 Thủ tục công nhận lần đầu Cơ quan đạt chuẩn văn hóa, Đơn vị đạt chuẩn văn hóa, Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	1. Thành phần hồ sơ: (1) Báo cáo thành tích 02 năm xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa của Công đoàn cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan. (2) Công văn đề nghị của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính công ích đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Liên đoàn Lao động cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ 1. Chủ tịch Công đoàn cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan nộp về Liên đoàn Lao động cấp huyện theo dõi, tổng hợp; Trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Liên đoàn Lao động cấp huyện trình Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện xét duyệt và trình Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận. 2. Trong thời gian 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. 3. Trong thời gian 3 ngày làm việc Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện phối hợp với cơ quan thi đua, khen thưởng cùng cấp, trình Chủ tịch UBND cấp huyện ra	Không	- Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2014.

4			1. Thành phần hồ sơ: (1) Văn bản đề nghị xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa của UBND cấp xã. (2) Bản đăng ký tham gia xây dựng danh hiệu Khu dân cư văn hóa; Bảng tự đánh giá thực hiện tiêu chí bình xét Khu dân cư văn hóa (Mẫu số 02, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị	Thủ tục 2.000440 Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	
		quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ hồ sơ đề nghị và Biên bản kiểm tra của Ban Chi đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định công nhận "Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa" và trao Giấy công nhận "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa". Trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Liên đoàn Lao động cấp huyện: 2 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 3 ngày - Cơ quan thi đua khen thưởng cấp huyện: 3 ngày - Chủ tịch UBND cấp huyện: 2 ngày.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Chủ tịch UBND cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ	Không	- Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"; "Thôn văn hóa"; "Làng văn hóa"; "Áp văn hóa"; "Bản văn hóa"; "Tổ dân phố văn hóa". Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.

		định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”). (3) Biên bản họp bình xét danh hiệu Khu dân cư văn hóa (Mẫu số 09, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	- UBND cấp xã căn cứ bản đăng ký tham gia thi đua và bảng tự đánh giá của khu dân cư để tổng hợp danh sách khu dân cư đủ điều kiện bình xét. - UBND cấp xã triệu tập cuộc họp bình xét, thành phần gồm: + Chủ tịch UBND, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, đại diện các đoàn thể cấp xã và Trưởng ban công tác Mặt trận ở khu dân cư; + Đại diện khu dân cư trong danh sách được bình xét. - Tổ chức cuộc họp bình xét: + Cuộc họp được tiến hành khi đạt 60% trở lên số người được triệu tập tham dự; + Hình thức bình xét: Bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết; + Kết quả bình xét: Khu dân cư được đề nghị tặng danh hiệu văn hóa và Giấy công nhận khi có từ 60% trở lên thành viên dự họp đồng ý. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả cuộc họp bình xét, UBND cấp xã lập hồ sơ theo quy định trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định. - Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng danh hiệu và Giấy công nhận Khu dân cư văn hóa. Bước 3. Trả kết quả Chủ tịch UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Chủ tịch UBND cấp huyện: 4,5 ngày.	- Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND, ngày 05/06/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số điều của Quy định một số tiêu chí và mức đạt của một số tiêu chí công nhận danh hiệu gia đình văn hóa; thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Hướng dẫn số 828/HD-BCĐ, ngày 22/7/2020 của Ban Chỉ đạo Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh, Tiêu chuẩn, quy trình xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa; Thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa.
--	--	---	---	---

5	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	1. Thành phần hồ sơ: (1) Văn bản đề nghị tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa của UBND cấp xã (kèm theo Danh sách các khu dân cư đủ điều kiện). (2) Bản sao Quyết định tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa trong 05 năm liên tục. (3) Biên bản họp xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa(Mẫu số 10, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ hòa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Chủ tịch UBND cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ - UBND cấp xã tổng hợp danh sách khu dân cư văn hóa đủ điều kiện xét tặng Giấy khen. - UBND cấp xã triệu tập cuộc họp bình xét, thành phần gồm: + Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, đại diện các đoàn thể cấp xã và Trường ban công tác Mặt trận ở khu dân cư; + Đại diện khu dân cư trong danh sách được bình xét. - Tổ chức cuộc họp bình xét: + Cuộc họp được tiến hành khi đạt 60% trở lên số người được triệu tập tham dự; + Hình thức bình xét: Bộ phiếu kín hoặc biểu quyết; + Kết quả: Các Khu dân cư được đề nghị tặng Giấy khen khi có từ 60% trở lên thành viên dự họp đồng ý. Trong trường hợp số lượng khu dân cư được đề nghị tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa vượt quá 15% tổng số khu dân cư được công nhận danh hiệu Khu dân cư văn hóa 5 năm liên tục thì căn cứ số phiếu đồng ý, lấy từ cao xuống thấp. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả cuộc họp bình xét, UBND cấp xã lập hồ sơ theo quy định trình UBND cấp huyện. - Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức	Không Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018. - Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND, ngày 05/06/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số điều của Quy định một số tiêu chí và mức đạt của một số tiêu chí công nhận danh hiệu gia đình văn hóa; thôn, bon, bản, bản, tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Hướng dẫn số 828/HD-BCĐ, ngày 22/7/2020 của Ban Chỉ đạo Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh, Tiêu chuẩn, quy trình
---	---	--	---	---

			hợp Hội đồng thi đua - khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả Hội đồng thi đua - khen thưởng, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa. Bước 3. Trả kết quả Chủ tịch UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 8 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Chủ tịch UBND cấp huyện: 7,5 ngày .		xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa; Thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa.
6	1.004646 Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	1. Thành phần hồ sơ: (1) Báo cáo thành tích 02 năm xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” của Trưởng Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” xã, có xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã; (2) Công văn đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính công ích đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện (VP Thường trực BCĐ phong trào TD ĐKXD ĐSVH cấp huyện). Bước 2. Xử lý hồ sơ - Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện tổ chức Lễ phát động xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” trên địa bàn cấp huyện; phổ biến tiêu chuẩn công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”; hướng dẫn các xã đăng ký xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;	Không	- Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. Có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2012. - Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND, ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh; Hướng dẫn số 674/HD-BCĐ ngày 04/11/2014 của Ban chỉ đạo Phong trào tỉnh về việc hướng dẫn tiêu chuẩn công nhận gia đình văn hóa; thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông

		- Trường Ban Chi đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" xã đang ký xây dựng "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới" với UBND cấp huyện; - Ban Chi đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" xã họp thông qua Báo cáo thành tích xây dựng "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới", gửi UBND cấp xã; - Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"; - Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ lúc nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ban Chi đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" cấp huyện kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới" (có biên bản kiểm tra); - Trong thời gian 1,5 ngày làm việc Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện phối hợp với bộ phận thi đua, khen thưởng cùng cấp, trình Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới". Trong thời gian 01 ngày làm việc, căn cứ hồ sơ đề nghị và biên bản kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chuẩn "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới" của Ban Chi đạo cấp huyện. Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới", kèm theo Giấy công nhận; trường hợp không công nhận, phải có văn bản trả lời UBND cấp xã và nêu rõ lý do chưa công nhận. Bước 3. Trả kết quả Chủ tịch UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.
--	--	---	---

			2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - VP thường trực, BCĐ PT TD ĐKXD ĐSVH cấp huyện: 02 ngày; - Cơ quan thi đua khen thưởng cấp huyện: 1,5 ngày; - Chủ tịch UBND cấp huyện: 1 ngày.		
7	1.004644 Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	1. Thành phần hồ sơ: (1) Báo cáo thành tích 05 năm xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” của Trường Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” xã, có xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã; (2) Công văn đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã; 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính công ích đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Chủ tịch UBND cấp huyện, Bước 2. Xử lý hồ sơ - Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện tổ chức Lễ phát động xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” trên địa bàn cấp huyện; phổ biến tiêu chuẩn công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”; hướng dẫn các xã đăng ký xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”; - Trường Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” xã đăng ký xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” với UBND cấp huyện; - Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” xã họp thông qua Báo cáo thành tích xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, gửi UBND cấp xã; - Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;	Không	Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. Có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2012. - Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND, ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh; Hướng dẫn số 674/HD-BCĐ ngày 04/11/2014 của Ban chỉ đạo Phong trào tỉnh về việc hướng dẫn tiêu chuẩn công nhận gia đình văn hóa; thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

8	1.004634	1. Thành phần hồ sơ:	- Trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ lúc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Chi đạo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" cấp huyện kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận "Xã đạt chuẩn" (có biên bản kiểm tra); - Trong thời gian 1,5 ngày làm việc, Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện phối hợp với bộ phận thi đua, khen thưởng cùng cấp, trình Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định công nhận lại và cấp Giấy công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới". - Trong thời gian 01 ngày làm việc, căn cứ hồ sơ đề nghị và biên bản kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chuẩn "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới" của Ban Chi đạo cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới", kèm theo Giấy công nhận; trường hợp không công nhận, phải có văn bản trả lời UBND cấp xã và nêu rõ lý do chưa công nhận. Bước 3. Trả kết quả Chủ tịch UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Văn phòng Thường trực, Ban Chi đạo Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cấp huyện: 02 ngày; - Cơ quan thi đua khen thưởng cấp huyện: 1,5 ngày; - Chủ tịch UBND cấp huyện: 1 ngày.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01
---	----------	----------------------	--	--	-------	---

Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	a) Báo cáo thành tích hai (02) năm xây dựng “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” của Trường Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phường, thị trấn, có xác nhận của Chủ tịch UBND phường, thị trấn. b) Công văn đề nghị của Chủ tịch UBND phường, thị trấn; 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Chủ tịch UBND cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ 1. Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phường, thị trấn: a) Đăng ký xây dựng “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” với UBND cấp huyện; b) Tổ chức Lễ phát động xây dựng “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (Phổ biến tiêu chuẩn và thông qua kế hoạch xây dựng “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”); c) Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; d) Xây dựng báo cáo thành tích gửi UBND phường, thị trấn. 2. Chủ tịch UBND phường, thị trấn có Công văn đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện. 3. Trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ lúc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện tổ chức kiểm tra, thẩm định kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (có văn bản kiểm tra). 4. Trong thời gian 1,5 ngày làm việc, Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện phối hợp với Bộ phận Thi đua - Khen thưởng cùng cấp trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Trong thời gian 1 ngày làm việc, căn cứ hồ sơ đề nghị và biên bản kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu	năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2013. - Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND, ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh; Hướng dẫn số 674/HD-BCĐ ngày 04/11/2014 của Ban chỉ đạo Phong trào tỉnh về việc hướng dẫn tiêu chuẩn công nhận gia đình văn hóa; thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.
---	--	---	--

9		1. Thành phần hồ sơ: a) Báo cáo thành tích năm (05) năm xây dựng “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” của Trưởng Ban Chi đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phường, thị trấn, có xác nhận của Chủ tịch UBND phường, thị trấn. b) Công văn đề nghị của Chủ tịch UBND phường, thị trấn. Chú tịch UBND phường, thị trấn.	1. Trình tự thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknonng.gov.vn Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ Chủ tịch UBND cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ 1. Ban Chi đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phường, thị trấn: a) Đăng ký xây dựng lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” với UBND cấp huyện;	Không	- Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2013. - Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND, ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh;
			Bước 3. Trả kết quả thị trấn và nêu rõ lý do chưa công nhận. Ban Chi đạo cấp huyện. Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”, kèm theo Giấy công nhận; trường hợp không công nhận, phải có văn bản trả lời UBND phường, thị trấn và nêu rõ lý do chưa công nhận. 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - VP thường trực, BCD PT TD BKXD BSVH cấp huyện: 02 ngày; - Cơ quan thi đua khen thưởng cấp huyện: 1,5 ngày; - Chủ tịch UBND cấp huyện: 1 ngày.		

		2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	b) Tổ chức Lễ phát động xây dựng “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (Phổ biến tiêu chuẩn và thông qua kế hoạch giữ vững “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”); c) Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; d) Xây dựng báo cáo thành tích gửi UBND phường, thị trấn. 2. Chủ tịch UBND phường, thị trấn có Công văn đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện. 3. Trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ lúc nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện tổ chức kiểm tra, thẩm định kết quả thực hiện tiêu chuẩn công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (có văn bản kiểm tra). 4. Trong thời gian 1,5 ngày làm việc Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện phối hợp với Bộ phận Thi đua - Khen thưởng cùng cấp trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Trong thời gian 1 ngày làm việc, căn cứ hồ sơ đề nghị và biên bản kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chuẩn “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” của Ban Chỉ đạo cấp huyện. Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định công nhận “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”, kèm theo Giấy công nhận lại; trường hợp không công nhận, phải có văn bản trả lời UBND phường, thị trấn và nêu rõ lý do chưa công nhận. Bước 3. Trả kết quả Chủ tịch UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức	Hướng dẫn số 674/HD-BCĐ ngày 04/11/2014 của Ban chỉ đạo Phong trào tỉnh về việc hướng dẫn tiêu chuẩn công nhận gia đình văn hóa; thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.
--	--	---	--	--

10		2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Vp thường trực, BCB PT TD BKKD BSVH cấp huyện: 02 ngày; - Cơ quan thi đua khen thưởng cấp huyện: 1,5 ngày; - Chủ tịch UBND cấp huyện: 1 ngày.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Đơn vị tổ chức lễ hội sau đây phải gửi hồ sơ đăng ký đến UBND cấp huyện trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày: + Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp huyện được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn 02 năm trở lên. + Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề có nhiều xã thuộc một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc một tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương tham gia tổ chức (sau đây là lễ hội cấp huyện) được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn 02 năm trở lên. + Lễ hội truyền thống cấp huyện, cấp xã được tổ chức hàng năm nhưng có thay đổi về cách thức tổ chức, nội dung, địa điểm so với truyền thống. Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: https://dichvucong.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho UBND cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: (1) Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời; (2) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; (3) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (4) Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		
				Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện 1.003645		
				Không	Nghi định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.	

			- Trong thời hạn 19,5 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm thẩm định nội dung sau: + Sự đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ; + Các chương trình, hoạt động trong khuôn khổ lễ hội; + Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. - Trường hợp hoạt động lễ hội có nội dung liên quan đến các bộ, ngành, trung ương hoặc các đơn vị ở địa phương, UBND cấp huyện phải có văn bản xin ý kiến, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ và quyết định việc chấp thuận tổ chức hoạt động lễ hội. - Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Chỉ được tổ chức lễ hội sau khi có văn bản chấp thuận của UBND cấp huyện. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội, cơ quan tiếp nhận đăng ký phải có văn bản thông báo những nội dung cần bổ sung. Đơn vị tổ chức lễ hội bổ sung hồ sơ và thực hiện lại trình tự đăng ký theo quy định tại Điều này. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - UBND cấp huyện: 19,5 ngày.		
11	1.003635 Thủ tục thông báo tổ	1. Thành phần hồ sơ:	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản

A2.	Thư viện	
	chức lễ hội cấp huyện	(1) Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội; (2) Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; (3) Dự kiến thành phần, số lượng khách mời; (4) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (5) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). - Trong thời hạn 14,5 ngày, kể từ ngày UBND cấp huyện nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo. Trường hợp không đồng ý với nội dung thông báo, cơ quan tiếp nhận phải trả lời văn bản và nêu rõ lý do; - Sau khi nhận được văn bản không đồng ý của UBND cấp huyện, đơn vị tổ chức lễ hội phải tiến hành chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện nội dung của hoạt động lễ hội. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - UBND cấp huyện: 14,5 ngày. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho UBND cấp huyện. Bước 3. Trả kết quả Đơn vị tổ chức lễ hội truyền thông, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp huyện được tổ chức hàng năm phải gửi văn bản thông báo đến UBND cấp huyện trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 20 ngày; Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc nộp trực tiếp tuyên qua địa chỉ: https://dichvucong.daknonng.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện trả kết quả cấp huyện. UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - UBND cấp huyện: 14,5 ngày. ly và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

12	1.008898 Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1. Thành phần hồ sơ: + Đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập. (1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo thành lập thư viện theo Mẫu M01C Thông báo thành lập thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. + Đối với thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo thành lập thư viện theo Mẫu M01A Thông báo thành lập thư viện cộng đồng/thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Trước 30 ngày tính đến ngày thư viện thực hiện mở cửa hoạt động, cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện gửi thông báo thành lập đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, nơi thư viện đặt trụ sở. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 14,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ Phòng Văn hóa và Thông tin phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, Phòng Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ. Bước 3. Trả kết quả Phòng Văn hóa và Thông tin trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 14,5 ngày.	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. - Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định về cơ chế hoạt động và tiêu chuẩn công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh.
----	--	--	---	-------	---

			Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Thành phần hồ sơ: (1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền sáp nhập, hoặc thông báo sáp nhập, hợp nhất, nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện theo Mẫu M02. Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	13
				1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Trước 30 ngày tính đến ngày thư viện thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện gửi thông báo thành lập đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, nơi thư viện đặt trụ sở. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 14,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ Phòng Văn hóa và Thông tin phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 14,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ Phòng Văn hóa và Thông tin phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Phòng Văn hóa và Thông tin trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	
				- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. - Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định về cơ chế hoạt động và tiêu chuẩn công chức tại bộ phận tiếp nhận thư viện tư nhân có	

	phục vụ cộng đồng		2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 14,5 ngày.		
14	1.008900 Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1. Thành phần hồ sơ: (1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Trước 30 ngày tính đến ngày thư viện chấm dứt hoạt động thư viện, cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện gửi thông báo thành lập đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, nơi thư viện đặt trụ sở. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 14,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ Phòng Văn hóa và Thông tin phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, Phòng Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ. Bước 3. Trả kết quả Phòng Văn hóa và Thông tin trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 14,5 ngày.		- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. - Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định về cơ chế hoạt động và tiêu chuẩn công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh.

A3.	15	Gia đình	1.003243 Thủ tục cấp Giấy chứng nhận bảo lực gia đình (mẫu số M4b ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT- BVHTTDL); 2. Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình. Quy chế phải có các nội dung cơ bản sau: - Mục tiêu, tên gọi, địa bàn và quy mô hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình; - Cơ cấu tổ chức, mối quan hệ trong chi đạo, điều hành của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình; - Trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên trực tiếp chăm sóc, tư vấn và những người khác làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình; - Trách nhiệm, quyền lợi của nạn nhân bảo lực gia đình khi được tiếp nhận vào cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình;	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình do các tổ chức, cá nhân trong nước thành lập mà không thuộc các trường hợp do UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2009/NĐ-CP) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ Phòng Văn hóa và Thông tin tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ. - Trong thời hạn 14,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhận hồ sơ phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình tới UBND cấp huyện. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, UBND cấp huyện có trách	Không - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-----	----	----------	--	---	---

		- Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính và những quy định có tính chất hành chính phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. 3. Xác nhận bằng văn bản của UBND cấp xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình có trụ sở hoạt động đặt trên địa bàn; 4. Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm những nội dung sau: - Tình hình tài chính hiện có của cơ sở (bao gồm: tiền mặt, tiền gửi có trong tài khoản tại ngân hàng, kho bạc); nguồn kinh phí nếu nhận từ nguồn tài trợ, cần nêu rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tài trợ, số tiền, hiện vật và thời gian tài trợ; - Nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở (nếu có). 5. Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan	nhệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận hoạt động thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 19,5 ngày; - UBND cấp huyện: 10 ngày.		sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.
--	--	---	---	--	---

16		quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu; 6. Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ của nhân tập huấn bảo lực chăm sóc nạn nhân bảo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bảo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc. 2. Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).	1. Thành phần hồ sơ: 1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình; 2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hư hỏng); 3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong trường hợp hợp Giấy chứng	Thủ tục 1.003226 Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình
		1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình do các tổ chức, cá nhân trong nước thành lập đã được UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu bị mất, bị rách hoặc hư hỏng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho UBND cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Trong thời gian 14,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh xem xét, cấp lại Giấy chứng	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình do các tổ chức, cá nhân trong nước thành lập đã được UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu bị mất, bị rách hoặc hư hỏng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho UBND cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Trong thời gian 14,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh xem xét, cấp lại Giấy chứng	Không
			- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bảo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.	

		nhận đăng ký hoạt động bị mất). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Nếu không đồng ý việc cấp lại, UBND tỉnh phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do. - Cơ sở được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động được cấp lại) cho Phòng Văn hoá, Thông tin để theo dõi, quản lý. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - UBND cấp huyện: 14,5 ngày.		- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.
17	1.003185 Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1. Thành phần hồ sơ: 1. Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; 2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở; 3. Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động);	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình do các tổ chức, cá nhân trong nước thành lập đã được UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu có sự thay đổi về tên gọi, địa chỉ đặt trụ sở, người đứng đầu, nội dung hoạt động thì nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện.	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục

	4. Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở (nếu có sửa đổi, bổ sung). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
Bước 2. Xử lý hồ sơ - Phòng Văn hóa và Thông tin tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ. - Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Văn hóa, Thông tin phải có kết quả thẩm định hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định tới UBND cấp huyện. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, UBND cấp huyện có trách nhiệm đối Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hồ trợ nân bảo lực gia đình. - Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở hồ trợ nân bảo lực gia đình, bổ sung của cơ sở hồ trợ nân bảo lực gia đình được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở. - Trường hợp từ chối đối Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì UBND cấp huyện phải nêu rõ lý do bằng văn bản. Bước 3. Trả kết quả - UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 12,5 ngày;	Bước 2. Xử lý hồ sơ - Phòng Văn hóa và Thông tin tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ. - Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Văn hóa, Thông tin phải có kết quả thẩm định hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định tới UBND cấp huyện. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, UBND cấp huyện có trách nhiệm đối Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hồ trợ nân bảo lực gia đình. - Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở hồ trợ nân bảo lực gia đình, bổ sung của cơ sở hồ trợ nân bảo lực gia đình được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở. - Trường hợp từ chối đối Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì UBND cấp huyện phải nêu rõ lý do bằng văn bản. Bước 3. Trả kết quả - UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 12,5 ngày;
	Bước 3. Trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 12,5 ngày;

			- UBND cấp huyện: 07 ngày.		
18	1.003140 Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1. Thành phần hồ sơ: 1. Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (theo mẫu số M4a ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL); 2. Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. Quy chế phải có các nội dung cơ bản sau: - Mục tiêu, tên gọi, địa bàn và quy mô hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Cơ cấu tổ chức, mối quan hệ trong chỉ đạo, điều hành của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên trực tiếp chăm sóc, tư vấn và những người khác làm việc tại cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Trách nhiệm, quyền lợi của người gây bạo lực gia đình khi được tiếp nhận vào	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình do các tổ chức, cá nhân trong nước thành lập mà không thuộc các trường hợp do UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2009/NĐ-CP) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Trong thời hạn 14,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhận hồ sơ phải có kết quả thẩm định hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình tới UBND cấp huyện. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008. - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

	co sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình; - Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính và những quy định có tính chất hành chính phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. 3. Xác nhận bằng văn bản của UBND cấp xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình có trụ sở chính hoạt động đặt trên địa bàn; 4. Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm những nội dung sau: - Tình hình tài chính hiện có của cơ sở (bao gồm: tiền mặt, tiền gửi có trong tài khoản tại ngân hàng, kho bạc); nguồn kinh phí nếu nhận từ nguồn tài trợ, cần nêu rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tài trợ, số tiền, hiện vật và thời gian tài trợ; - Nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở (nếu có).	Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - Phòng Văn hóa và Thông tin: 19,5 ngày; - UBND cấp huyện: 10 ngày.	sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; chức năng nhiệm vụ của phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.
--	--	--	---

		5. Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu; 6. Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc. 2. Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).			
19	1.003103 Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng,	1. Thành phần hồ sơ: 1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; 2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hỏng);	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình do các tổ chức, cá nhân trong nước thành lập đã được UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu bị mất, bị rách hoặc hư hỏng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp

20	lực gia đình chống bạo	3. Bản sao Giấy chứng nhân đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong tường hợp Giấy chứng nhân đăng ký hoạt động bị mất). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	3. Thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho UBND cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện xem xét, cấp lại Giấy chứng nhân đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình. Nếu không đồng ý việc cấp lại, UBND cấp huyện phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do. - Cơ sở được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động được cấp lại) cho Phòng Văn hóa, Thông tin để theo dõi, quản lý. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày; - UBND cấp huyện: 14,5 ngày.	1. Thành phần hồ sơ: 1. Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình do các tổ chức, cá nhân trong nước thành lập đã được UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu có thay đổi về tên gọi, địa chỉ đất trụ sở, người đứng đầu, nội dung hoạt động thì nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ- CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;
			thể nhân viên tư vấn, chứng nhân nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010. - Thông tư số 23/2014/TT- BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT- BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hồ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.				

phòng, chống bạo lực gia đình	2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở; 3. Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động); 4. Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (nếu có sửa đổi, bổ sung). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	buu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Văn hóa và Thông tin phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình tới UBND cấp huyện. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, UBND cấp huyện có trách nhiệm đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. - Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phê duyệt đồng thời với việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở. Trường hợp từ chối đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì UBND cấp huyện phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp huyện trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.
-------------------------------	--	---	--

																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					</
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

		(3) Biên bản họp bình xét ở khu dân cư (Mẫu số 07, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)	Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã chuyển hồ sơ cho Chủ tịch UBND cấp xã. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp xã trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức 2. Thời gian giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: 0,5 ngày; - Chủ tịch UBND cấp xã: 4,5 ngày		tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Hướng dẫn số 828/HD-BCĐ, ngày 22/7/2020 của Ban Chỉ đạo Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh, Tiêu chuẩn, quy trình xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa; Thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa.
2	1.001120 Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	1. Thành phần hồ sơ: (1) Văn bản đề nghị tặng Giấy khen Gia đình văn hóa của Trưởng Khu dân cư (kèm theo danh sách hộ gia đình đủ tiêu chuẩn). (2) Bản sao Quyết định công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa của các hộ gia đình trong 03 năm liên tục. (3) Biên bản họp bình xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa (Mẫu số 08, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ - Trưởng khu dân cư tổng hợp danh sách các hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa đủ điều kiện tặng Giấy khen Gia đình văn hóa. - Trưởng khu dân cư triệu tập cuộc họp bình xét, thành phần gồm: + Cấp ủy, Trưởng khu dân cư, Trưởng ban Công tác Mặt trận, đại diện các ngành, các tổ chức đoàn thể; + Đại diện hộ gia đình trong danh sách được bình xét. - Tổ chức cuộc họp bình xét: + Cuộc họp được tiến hành khi đạt 60% trở lên số người được triệu tập tham dự; + Hình thức bình xét: Bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết; + Kết quả: Các gia đình được đề nghị tặng Giấy khen Gia đình văn hóa khi có từ 60% trở lên thành viên dự họp đồng ý. Trong trường hợp số lượng gia đình được đề nghị	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. Có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 11 năm 2018. - Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND, ngày 05/06/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số điều của Quy định một số tiêu chí và mức đạt của một số tiêu chí công nhận danh hiệu gia đình văn hóa; thôn, bon, buôn, bản, tổ dân

3		1.003622 Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1. Thành phần hồ sơ: (1) Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội; (2) Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; (3) Dự kiến thành phần, số lượng khách mời;	3
	phổ văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. - Hướng dẫn số 828/HD-BCĐ, ngày 22/7/2020 của Ban Chỉ đạo Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh, Tiểu khu, quy trình xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa; Thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa.	2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”). 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Đơn vị tổ chức lễ hội truyền thông, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp xã được tổ chức hàng năm phải gửi văn bản thông báo đến UBND cấp xã trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 20 ngày. Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Không CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

		(4) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (5) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã chuyển hồ sơ cho Chủ tịch UBND cấp xã. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày UBND cấp xã nhận được thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung thông báo. Trường hợp không đồng ý với nội dung thông báo, cơ quan tiếp nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp xã trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức 2. Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: 0,5 ngày; - Chủ tịch UBND cấp xã: 14,5 ngày.		
A2.	Thư viện				
4	1.008901 Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1. Thành phần hồ sơ: (1) Thông báo thành lập thư viện (theo Mẫu số 01A. Thông báo thành lập thư viện của Thư viện cộng đồng/Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). (2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Trước 30 ngày tính đến ngày thư viện thực hiện mở cửa hoạt động, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện gửi thông báo thành lập đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã chuyển hồ sơ cho UBND cấp xã. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 14,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ	Không	- Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 12 năm 2000. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2001. - Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh Thư viện. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 8 năm 2002. - Thông tư số 56/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Bộ Văn hóa - Thông

		định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thu viên số 46/2019/QH14. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	thông báo không đủ tài liệu theo quy định, UBND cấp xã có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp xã trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 3 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: 0,5 ngày; - UBND cấp xã: 14,5 ngày	tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về hướng dẫn chi tiết về điều kiện thành lập thu viên và thủ tục đăng ký hoạt động thu viên. Có hiệu lực từ ngày 05 tháng 10 năm 2003. - Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thu viên tư nhân có phục vụ cộng đồng. Có hiệu lực từ ngày 8 tháng 3 năm 2006. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 2 năm 2012. - Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về cơ chế hoạt động và tiêu chuẩn công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh.
--	--	--	--	---

5	1.008902 Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	1. Thành phần hồ sơ: (1) Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện theo Mẫu M02. Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Trước 30 ngày tính đến ngày thư viện thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện gửi thông báo thành lập đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã chuyển hồ sơ cho UBND cấp xã. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Trong thời hạn 14,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, UBND cấp xã có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp xã trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 3 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: 0,5 ngày; - UBND cấp xã: 14,5 ngày.	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. - Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về cơ chế hoạt động và tiêu chuẩn công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh.
6	1.008903 Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động	(1) Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Trước 30 ngày tính đến ngày thư viện chấm dứt hoạt động, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện gửi thông báo thành lập đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Không	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020

B.	thư viện công đồng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã chuyển hồ sơ cho UBND cấp xã. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Trong thời hạn 14,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, UBND cấp xã có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ. Bước 3. Trả kết quả UBND cấp xã trả kết quả thực hiện cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời gian giải quyết: 3 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: 0,5 ngày; - UBND cấp xã: 14,5 ngày.		quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sắp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. - Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về cơ chế hoạt động và tiêu chuẩn công chức tài bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh.
7	Thư tục công nhận cầu lạc bộ thể thao cơ sở 2.000794	1. Thành phần hồ sơ: (1) Quyết định thành lập; (2) Danh sách Ban chủ nhiệm; (3) Danh sách hội viên; (4) Địa điểm tập luyện; (5) Quy chế hoạt động. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến UBND cấp xã. Bước 2. Xử lý hồ sơ Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định công nhận, trường hợp không công nhận thì phải có văn bản nêu rõ lý do, nếu không đáp ứng các điều kiện thì phải trả lời bằng văn bản. Bước 3. Trả kết quả		- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 năm 2018. - Nghị định 112/2017/NĐ-CP ngày 26/11/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
THE DỤC THE THAO					

			UBND cấp xã trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho tổ chức. 2. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ.		- Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở.
--	--	--	--	--	--

Tổng số: I+II+III+IV = 152 TTHC. Trong đó:

- 28 TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh;
- 97 TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- 20 TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện;
- 07 TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp xã.